

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/ HNGĐ - ST
Ngày 24 - 8 - 2017.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Vượng.
2. Ông Trần Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Kim Hiên – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2017/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 và Thông báo mở lại phiên tòa số 31/2017/TB-XX ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1974.

ĐKNKTT: Phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978.

ĐKNKTT: Phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/04/2017; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 14/01/2002 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần không thành. Vợ chồng

sống ly thân từ năm 2003 đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là cháu: Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 18/02/2004. Hiện cháu A đang ở cùng chị N, ly hôn, nguyện vọng của anh T để chị N là người trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung : Anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị N vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Đức T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giải quyết về việc: “ Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” giữa anh với chị Nguyễn Thị N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị Nguyễn Thị N nhiều lần, nhưng chị N cố tình, lẩn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Anh Nguyễn Đức T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2002 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị N.

[3]. Về con chung: Anh T, chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 18/02/2004. Hiện cháu Ngọc A đang ở cùng chị N, quá trình tố tụng Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị N đưa cháu Ngọc A đến Tòa án để lấy lời khai về nguyện vọng của con, nhưng chị N cố tình vắng mặt và không đưa cháu Ngọc A đến Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời khai của anh T, hiện nay cháu Ngọc A đang ở ổn định cùng chị N. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, phải đảm bảo được về quyền lợi mọi mặt của con, mặt khác trong thời gian anh T và chị N ly thân cháu Ngọc A vẫn ở cùng chị N từ khi sinh ra cho đến nay. Do vậy, môi

trường sống của cháu Ngọc A không cần thiết phải thay đổi, để cháu Ngọc A có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường . Cần giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, giao cháu Ngọc A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí : Anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 18/02/2004 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Ngọc A đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc A và có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngọc A mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2013/06237 ngày 22/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (Anh T đã nộp đủ tiền án phí). Chị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức T, chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND phường Y, TP Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Tuyền